TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT
Ngày 08-7-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Thanh Chín;
2. Bà Lê Thị Thanh Thái;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Trúc Giang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:*** Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2024/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; có mặt

HKTT: Số B thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Nơi tạm trú: Phòng 409C Khu chung cư V, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1976; có mặt

Địa chỉ: Số B thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2003.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, ông T đi làm, bà C ở nhà buôn bán nhỏ kiếm thêm thu nhập, đến năm 2014 thì bà C làm huê hụi phát sinh nợ nần. Từ đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nhiều lúc mâu thuẫn trầm trọng nhưng vì các con nên ông T cố gắng để con cái trưởng thành. Năm 2015 ông T chuyển vào thành phố P công tác cuối tuần về nhà, để tạo thêm thu nhập cho gia đình, ông T mượn cha mẹ đất canh tác cây thanh long, bà C trực tiếp canh tác.

Năm 2021, do dịch C1 nên ông T không về nhà thường xuyên được, bà C ghen tuông điện thoại đến bạn bè và cơ quan làm ảnh hưởng đến uy tín, công việc, cuộc sống của ông T và gia đình. Bà C thường xuyên lảm nhảm nói năng không kiểm soát làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Thấy vậy ông T tự sống ly thân với bà C từ tháng 6/2021.

Năm 2022, ông T làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình yêu cầu ly hôn với bà C, tại Bản án số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xử bác yêu cầu ly hôn của ông T mục đích để vợ chồng ông T đoàn tụ nhưng tình trạng vợ chồng không thay đổi. Bà C đến chung cư ông T ở gây rối, đến cơ quan làm việc đòi gặp Giám đốc để nói chuyện, đến Trung tâm y tế thành phố P để gây rối trật tự công cộng, hành vi của bà C đã bị Công an thành phố P mời làm việc. Bà C lạm quyền hôn nhân và gia đình để đe dọa, gây rối làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của ông T.

Hơn 02 năm nay vợ chồng ông T đã không sống chung, không còn tình cảm yêu thương chia sẻ, tôn trọng nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên ông T làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thanh Minh T1 – sinh ngày 30/10/2003 và Nguyễn Thanh Minh T2 – sinh ngày 26/9/2005 các con hiện đã trưởng thành.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2003.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, ông T đi làm, bà C thì ở nhà buôn bán nhỏ kiếm thêm thu nhập, đến năm 2014 thì bà C làm huê hụi có nợ nần nhưng không lớn.

Năm 2015, ông T chuyển vào P công tác, bà C ở nhà nuôi con cuối tuần ông T về nhà phụ bà C chăm sóc cây thanh long.

Năm 2021, bà phát hiện ông T nhắn tin điện thoại với người khác có nội dung trên mức bạn bè thông thường nên bà C ghen. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn, ông T cuối tuần về không ở nhà vợ chồng mà ở nhà cha mẹ, bà C không làm gì sai bà C ghen tuông là do ông T ngoại tình.

Năm 2022, ông T làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình yêu cầu ly hôn với bà C, tại Bản án số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xử bác yêu cầu ly hôn của ông T để vợ chồng đoàn tụ.

Từ năm 2021, vợ chồng không sống chung với nhau, hiện nay ông T vẫn ở nhà cha mẹ vào những ngày cuối tuần, tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được từ khi Tòa án Bắc Bình xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Bà C không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, vì ông T có quan hệ với người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con và con cái đang học đại học không ai nuôi dưỡng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Nguyễn Thanh Minh T1, sinh ngày 30/10/2003 và Nguyễn Thanh Minh T2, sinh ngày 26/9/2005. Các con hiện đã trưởng thành.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng bà chưa thỏa thuận được với nhau nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh Minh T1 – sinh ngày 30/10/2003 và Nguyễn Thanh Minh T2 – sinh ngày 26/9/2005 hiện các con đã trưởng thành.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí theo quy định.

Ngày 29/3/2024, bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C:

Bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Thanh T sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 17/7/2003. Đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thanh T, nhận thấy ông T và bà C chung sống với nhau đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc bà C cho rằng ông T có quan hệ ngoại tình nên ông T sống ly thân với bà C.

Năm 2022, ông T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà C nhưng không được Tòa án chấp nhận yêu cầu. Năm 2023, ông T tiếp tục có đơn yêu cầu ly hôn với bà C. Xét việc bà C cho rằng ông T có quan hệ ngoại tình nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, đến nay ông T và bà C không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Hai người đã sống ly thân nhiều năm, bỏ mặc nhau. Như vậy, hôn nhân giữa ông T và bà C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T là có cơ sở.

[3] Về con chung, tài sản và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu khởi kiện, Tòa án sơ thẩm không xem xét giải quyết nhưng vẫn tuyên xử trong phần quyết định của bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C;

- Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bắc Bình.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T. Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án

phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0001334 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0008694 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Bắc Bình;
- Chi Cục THADS huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Hùng